

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2021

***V/v: Ly hôn và nuôi con***

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Đại

2. Ông Trần Thanh Khen

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ** có tham gia phiên tòa có ông Phạm Thành Được – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, về việc: “*Ly hôn và nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 4/9, ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**2. Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 4/9, ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Phước T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998 anh và chị P có quen biết và tiến tới kết hôn với nhau theo phong tục tập quán, cả hai có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H, huyện Long Hồ và được Ủy ban nhân dân xã Phước H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2004. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống ở bên gia đình anh T, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi, chị P không chung thủy, anh T có khuyên can nhưng chị

P không sửa đổi, chị P đã bỏ nhà ra đi từ năm 2019, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh T nhận thấy không còn tình cảm với chị P nên yêu cầu ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Phước Hg, sinh ngày 20/01/2000, Nguyễn Phước H, sinh ngày 19/5/2004, Nguyễn Phước Hn, sinh ngày 01/4/2013 và Nguyễn Phụng T, sinh ngày 26/8/2015, cháu Nguyễn Phước Hg, đã trưởng thành anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Phước H anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H cũng là nguyện vọng của cháu cha mẹ ly hôn cháu sống với cha. Đối với cháu Hn theo nguyện vọng của cháu muốn ở với chị P, anh đồng ý giao cho chị P nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn Phụng Tiên, anh đồng ý giao cho chị P nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chung sống có một nền nhà, do mẹ anh chết để lại cho anh đứng tên, phần đất thừa số mấy anh không nhớ, diện tích khoảng 280m<sup>2</sup>, phần đất này anh để lại cho các con, nên không yêu cầu chia. Đối với yêu cầu của P yêu cầu anh đưa cho chị P 30.000.000d, anh không đồng ý.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận lời trình bày của anh T là đúng, hai bên quen biết và tổ chức đám cưới năm 1999, cả hai có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2004. Về mâu thuẫn chị thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cự cãi anh T đánh chị, vì vậy chị mới ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống có quen bạn bè, sau đó chị có dẫn con quay về, nhưng không sống được do anh T lấy dao đòi đâm chị, vì vậy chị và anh T đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị P không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Phước Hg, sinh ngày 20/01/2000, Nguyễn Phước H, sinh ngày 19/5/2004, Nguyễn Phước Hn, sinh ngày 01/4/2013 và Nguyễn Phụng T, sinh ngày 26/8/2015, hiện nay cháu Nguyễn Phước Hg đã trưởng thành chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Phước H theo nguyện vọng của cháu cha mẹ ly hôn muốn sống với anh T, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu, cháu Hn có nguyện vọng muốn sống với chị, nên chị đồng ý tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu, còn cháu P Tiên chị yêu cầu được nuôi cháu P Tiên, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có phần đất chị không nhớ, diện tích 240m<sup>2</sup>, đất do anh Nguyễn Phước T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất này của cha mẹ anh T do vợ chồng chị ở chung với cha mẹ chồng, nên khi cha mẹ qua đời thì vợ chồng chị ở cho đến nay, căn nhà này do vợ chồng chị cất trước khi mẹ chồng qua đời. Căn nhà cất năm 2012. Nguồn tiền cất nhà là do bán đất của cha mẹ chồng và một phần chị đi làm nên cất được căn nhà. Nay chị không yêu cầu chia tài sản phần

đất này. Chị yêu cầu anh T giao cho chị 30.000.000đ để chị nuôi con. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới.

1/ Anh Nguyễn Phước T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị P, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường cự cãi nhau, chị P đã có người khác không còn sống chung với anh, anh thừa nhận có đánh chị P, mỗi lần chị P về nhà có cự cãi nhau, vì vậy anh không muốn đoàn tụ.

Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Phước Hg, sinh ngày 20/01/2000, Nguyễn Phước H, sinh ngày 19/5/2004, Nguyễn Phước Hn, sinh ngày 01/4/2013 và Nguyễn Phụng T, sinh ngày 26/8/2015. Cháu Hg đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết, riêng cháu H có bản khai ý kiến nguyện vọng muốn sống với anh, anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, còn cháu Hn, cũng có bản khai ý kiến muốn sống với chị P, nên anh đồng ý để cháu Hn cho chị P nuôi dưỡng, cháu anh đồng ý giao cho chị P nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu H, anh cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Hn, cháu T.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết về phần đất anh đang ở, anh không đồng ý đưa cho chị P 30.000.000đ, vì anh làm hồ không đủ sống, vì vậy không có khả năng giao cho chị P 30.000.000đ.

Về nợ chung anh T không yêu cầu giải quyết.

2/ Chị Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với anh T, chị thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn, thường cự cãi nhau, anh T đuổi chị đi nên chị có nhờ bạn bè giúp đỡ, hiện nay chị đang sống nhà trọ, chị muốn về để lo cho con, chị không muốn ly hôn.

Về con chung: chị đồng ý nuôi dưỡng hai con Nguyễn Phước Hn, sinh ngày 01/4/2003 và Nguyễn P Tiên, sinh ngày 26/8/2015, cháu H có bản khai ý kiến muốn ở với anh T chị đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, riêng cháu Hg đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Hn và cháu T, chị không cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị chung sống cha mẹ chồng có cho một nền nhà để cất nhà, chị không yêu cầu chia tài sản này, chị đồng ý kiện lại tài sản chung sau ly hôn, chị xin rút lại số tiền 30.000.000đ không yêu cầu anh T đưa cho chị.

Về nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. việc Tòa án thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không đạt được, vì hai người đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan T đến ai. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng anh T chị P không thực hiện mà bỏ mặc cho H quả xảy ra không hề quan T chăm sóc đời sống chung gia đình mặc ai nấy sống. Do đó việc anh xin ly hôn với chị P là có cơ sở và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 04 người con tên Nguyễn Phước Hg, sinh ngày 20/01/2000, Nguyễn Phước H, sinh ngày 19/5/2004, Nguyễn Phước Hn, sinh ngày 01/4/2013 và Nguyễn Phụng T, sinh ngày 26/8/2015, cháu Hg đã trưởng thành, anh T chị P không yêu cầu giải quyết. Cháu H có bản khai muốn sống với anh T, nên chị đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Cháu Hn có bản khai muốn sống với chị P, cháu T ở với chị P từ đó cho đến nay, nên anh T đồng ý giao cho chị P nuôi dưỡng cháu Hn và cháu Tiên, chị P đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hn, cháu T. Xét các đương sự thỏa thuận với nhau là tự nguyện nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Tại phiên tòa hôm nay chị P tự nguyện rút lại không yêu cầu anh T đưa cho chị 30.000.000đ là có căn cứ phù hợp với Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, cần được xem xét chấp nhận.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Phước T, cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị cháu Nguyễn Phước Hg đã trưởng thành anh T chị P không yêu cầu giải quyết, anh T đồng ý giao cháu Hn, cháu Tiên cho chị Phụng nuôi dưỡng, chị P đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị P yêu cầu anh T chia cho chị 30.000.000đ. Dành riêng cho chị P vụ kiện khác về chia tài sản chung khi chị có yêu cầu. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Án phí : Buộc anh T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Phước T yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị P, cả hai đều địa chỉ ở ấp Tân Thuận, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Phước H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn anh T và chị P đều thừa nhận vợ chồng thường cự cãi nhau, anh T nói chị P có người khác bỏ nhà ra đi, chị P cho rằng anh T cự cãi đánh chị, đuổi chị ra khỏi nhà, chị về nhà anh T không cho về nhà, nên chị không về được. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, chị P không đồng ý ly hôn nhưng không có chứng cứ nào cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đoàn tụ. Xét vợ chồng chung sống đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị P là có cơ sở chấp nhận, được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Phước Hg, sinh ngày 20/01/2000, Nguyễn Phước H, sinh ngày 19/5/2004, Nguyễn Phước Hn, sinh ngày 01/4/2013 và Nguyễn Phụng T, sinh ngày 26/8/2015. Anh T chị P thỏa thuận. Cháu Nguyễn Phước Hg đã trưởng thành anh T chị P không yêu cầu giải quyết, cháu Nguyễn Phước H có nguyện vọng cha mẹ ly hôn muốn sống chung với cha là anh T, chị P đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng cháu H, cháu Nguyễn Phước Hn có nguyện vọng cha mẹ ly hôn muốn sống với chị P, cháu T ở với chị từ trước đến nay, nên anh T đồng ý giao cháu Hn, cháu T cho chị P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chị P không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho ai, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Phước T, chị Nguyễn Thị P có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T chị P thực hiện quyền này, được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay chị P xin rút lại yêu cầu anh T đưa cho chị số tiền 30.000.000đ, chị sẽ kiện lại tài sản chung với anh T bằng vụ kiện khác sau ly hôn.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 51, 54, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Phước T được ly hôn chị Nguyễn Thị P .

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị P về nuôi con chung như sau: Cháu Nguyễn Phước Hg đã trưởng thành anh T và chị P không yêu cầu giải quyết. Chị P đồng ý giao cháu Nguyễn Phước H, sinh ngày 19/5/2004 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Phước Hn, sinh ngày 01/4/2004 và Nguyễn Phụng T, sinh ngày 26/8/2015 cho chị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị P đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hn, cháu Tiên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chị P không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho ai, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Phước T, chị Nguyễn Thị P có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T chị P thực hiện quyền này.

4. Về tài sản chung : Anh T không yêu cầu giải quyết .

Đình chỉ yêu cầu của chị P, yêu cầu anh T đưa cho chị số tiền 30.000.000đ.

Dành cho chị P kiện tài sản chung với anh T bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

5. Về nợ chung: Anh T chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Phước T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006517 ngày 09/3/2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh T không phải nộp thêm

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006740 ngày 14/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án../.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Điệp**





